

Tân Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2021

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 20 H1, tổ 17, phường Q, thành phố E, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Võ Thị Kiều D và ông Bùi Anh T cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D có địa chỉ nơi làm việc tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố E, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 6/8/2007 thì bà Võ Thị Kiều D và ông Bùi Anh T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà D và ông T sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách chăm sóc và nuôi dạy con, lối sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng không có sự thấu hiểu lẫn nhau. Nay, cả bà D và ông T đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Bùi Diễm M, sinh ngày 24/7/2012, ly hôn cả hai thỏa thuận bà D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 12/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà D và ông T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kiều D và ông Bùi Anh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Diễm M, sinh ngày 24/7/2012 cho bà Võ Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Anh T cấp dưỡng nuôi mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 12/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông Bùi Anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông T còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Bà Võ Thị Kiều D cùng gia đình các bên không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Thị Kiều D và ông Bùi Anh T nộp, được cân trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai số 0030557 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND phường P, thành phố E, tỉnh Quảng Ngãi (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyền số 01/2007 ngày 6/8/2007);
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hồng Út